TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyên Quốc Dũng và ông Phạm Hồng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh và ông Huỳnh Hoài T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Phùng Văn K, sinh ngày 05/02/2006, tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thị xã T (nay là xã T), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn K1 và bà Nguyễn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: chưa; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2025 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp P, xã P, thị xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đinh Bảo T2, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp P, xã P, thị xã T (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1968; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp P, thị trấn C, huyện P (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lâm Trung H, sinh năm 1996; nơi cư trú: số D, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Ông Phùng Văn K1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã T (nay là xã T), tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Văn T3 (K3) và ông Huỳnh Thanh T4 (Đực); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 16 giờ ngày 25/01/2025, Phùng Văn K đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp T, xã L, thị xã T (nay là xã T), K nhìn thấy xe mô tô biển số 66N1-090.41 của ông Đinh Văn N đang đậu trên lề đường, có gắn sẵn chìa khóa, không người trông giữ. K đi đến mở chìa khóa, lấy trộm xe, điều khiển về hướng xã C, thị xã T. Sau đó, K đem đến khu vực khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L) bán cho Nguyễn Văn C được 3.500.000 đồng. Khi mua C không biết do trộm cắp mà có. Phát hiện bị mất trộm, bị hại trình báo Công an. Qua mời làm việc, K thừa nhận hành vi phạm tội.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô 66N1-090.41 màu đỏ đen cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lâm Trung H (đã trả cho bị hại).

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 1041/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T: 01 xe mô tô 66N1-090.41 màu đỏ, đen, trị giá 7.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố Phùng Văn K để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKSTC ngày 18 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang) đã truy tố bị cáo Phùng Văn K về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Về hình phạt, bị cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn C, ông Phùng Văn K1 cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như

Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo làm thuê kiếm sống, thuộc thành phần lao động nghèo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại, ông C không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, đề nghị không đề cập đến do tài sản đã được giao trả cho bị hại.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên cho rằng, xuất phát từ mục đích của hình phạt là phòng ngừa chung; tình hình tội phạm trên địa bàn nơi xảy ra sự việc diễn biến phức tạp cho nên việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của bị cáo không đảm bảo mục đích phòng chống tội phạm. Khi đề xuất hình phạt, Kiểm sát viên đã có sự cân nhắc tất cả tình tiết cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, khoảng 16 giờ ngày 25/01/2025, bị cáo lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 66N1-090.41 của ông Đinh Văn N đang đậu trên lề đường tại khu vực ấp T, xã L, có gắn sẵn chìa khóa, không người trông giữ. Sau đó, bị cáo bán xe mô tô biển số 66N1-090.41 cho ông Nguyễn Văn C với giá 3.500.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền có được chuột xe mô tô biển số 67AH-098.00 đã bán cho ông C trước đó vào ngày 24/01/2025.

Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 xe mô tô biển

số 66N1-090.41 màu đỏ, đen, trị giá 7.000.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông N trị giá 7.000.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động người thân hoàn trả số tiền 3.500.000 đồng cho ông C. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo thấy rằng, bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị khá cao; tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn nơi xảy ra sự việc diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng. Việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo không đảm bảo yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương. Cho nên, không có cơ sở chấp nhận đề xuất của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm thuê kiếm sống, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan đến vụ án, ông Nguyễn Văn C mua xe mô tô bị chiếm đoạt từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông C là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho ông Đinh Văn N 01 xe mô tô biển số 66N1-090.41 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu bồi thường thiệt hại. Sau khi nhận số tiền 3.500.000 đồng từ ông Phùng Văn K1, ông C không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông K1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 3.500.000 đồng đã bỏ ra hoàn trả cho ông C. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"*;*

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Phùng Văn K 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phùng Văn K phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Nguyễn Văn C, ông Phùng Văn K1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đinh Văn N, ông Đinh Bảo T2, ông Nguyễn Văn K2, bà Đoàn Thị Mỹ D, ông Lâm Trung H, là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 15 – An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân Trại tạm giam khu vực Tân Châu;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 15 – An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình